

Số: /BC-TCTTKĐA

Quảng Bình, ngày tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả triển khai, thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” năm 2022, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023
(Phục vụ Hội nghị sơ kết 01 năm triển khai Đề án 06 và tổng kết hoạt động chuyển đổi số năm 2022)

Thực hiện Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” (Đề án 06) trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Qua một năm triển khai thực hiện, các mục tiêu cơ bản của Đề án 06 trong năm 2022 đã cơ bản hoàn thành, Đề án đã được triển khai theo hướng đi vào những nội dung cụ thể, đúng tinh thần chỉ đạo “*làm việc nào dứt điểm việc đó*”. Kết quả cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

Kết quả các mặt công tác và những tiện ích cho người dân, doanh nghiệp trong năm 2022

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI

1. Trong năm 2022, công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án 06 được đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh, Tổ trưởng Tổ công tác triển khai Đề án 06 tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện quyết liệt. Đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì 02 Hội nghị để quán triệt, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh. Ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh.

Ban hành Kế hoạch số 184/KH-TCTTKĐA ngày 19/9/2022 về việc kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai, thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh. Qua đó, đã kiểm tra kết quả triển khai, thực hiện tại 20 sở, ngành, doanh nghiệp, địa phương có liên quan.

Các thành viên Tổ công tác triển khai Đề án 06 tỉnh luôn nêu cao vai trò trách nhiệm trong công tác hướng dẫn, đôn đốc để kịp thời tham mưu Tổ công tác tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2. Công an tỉnh

Phát huy tốt vai trò của Cơ quan thường trực Tổ công tác triển khai Đề án 06 tỉnh để tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 06, Quyết định thành lập, kiện toàn Tổ công tác triển khai Đề án và các văn

bản đề chỉ đạo, hướng dẫn các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06¹.

Đảng ủy Công an tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/ĐUCA ngày 20/10/2022 về tăng cường lãnh đạo đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 trong Công an tỉnh Quảng Bình.

Ban hành Kế hoạch số 5615/KH-CAT-PC06 ngày 07/10/2022 về mở đợt cao điểm “90 ngày, đêm” triển khai các giải pháp bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu phục vụ triển khai quy định của Luật Cư trú năm 2022 về việc Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú hết giá trị sử dụng sau ngày 31/12/2022 và tăng cường đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án 06/CP; Kế hoạch số 8292/KH-CAT-PC06 ngày 28/12/2022 về triển khai cấp CCCD gắn chip và đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử cho công dân trong dịp Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

3. Văn phòng UBND tỉnh

Tham mưu lãnh đạo UBND tỉnh ban hành các văn bản đề chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Đề án 06 trên địa bàn tỉnh và triển khai thực hiện Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ Quy định về định danh và xác thực điện tử².

¹ Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 18/02/2022 về triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 về việc kiện toàn Tổ công tác triển khai thực hiện Đề án 06 tỉnh (do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng Tổ Công tác); Quyết định số 67/QĐ-TCTTKĐA ngày 08/4/2022 về ban hành Quy chế hoạt động của Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh; Công văn số 73/TCTTKĐA, ngày 13/4/2022 về triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1350/UBND-NCVX ngày 27/7/2022 về triển khai thực hiện một số nội dung của Đề án 06; Công văn số 1353/UBND-NCVX ngày 27/7/2022 về rà soát, đề xuất kinh phí theo quy chuẩn 1.0 và đề xuất nhu cầu kinh phí triển khai Đề án 06 của tỉnh Quảng Bình; Công văn số 1569/UBND-KSTT ngày 26/8/2022 về việc bố trí kinh phí triển khai thực hiện Đề án 06; Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 về việc kiện toàn Tổ công tác Đề án 06 tỉnh Quảng Bình; Kế hoạch số 184/KH-TCTTKĐA ngày 19/9/2022 về việc kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 193/QĐ-TCTTKĐA ngày 28/9/2022 về thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá kết quả triển khai, thực hiện Đề án 06 trên địa bàn; Công văn số 1831/UBND-KSTT ngày 03/10/2022 về đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1869/UBND-NCVX ngày 07/10/2022 về triển khai một số nội dung của Luật Cư trú năm 2020; Công văn số 218/TCTTKĐA ngày 03/11/2022 về khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ cấp bách năm 2022 của Đề án 06, Công văn số 2218/UBND-KSTT ngày 23/11/2022 gửi lãnh đạo Bộ Công an về việc đề nghị hỗ trợ triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh, Công văn số 229/TCTTKĐA ngày 29/11/2022 về việc đôn đốc, giao chỉ tiêu thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách của Đề án 06, Công văn số 3452/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 về kiện toàn Tổ công tác triển khai Đề án 06; Công văn số 251/TCTTKĐA ngày 27/12/2022 đôn đốc đẩy nhanh tiến độ kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nâng cao tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính,...

² Công văn số 1624/UBND-KSTT ngày 06/9/2022 về việc nâng cao các chỉ số thực hiện TTHC, DVC trên môi trường điện tử theo Quyết định số 766/QĐ-TTg của Chính phủ; Công văn số 1697/UBND-KSTT ngày 16/9/2022 về việc triển khai quy trình số hóa, kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực Lý lịch tư pháp theo Đề án 06; Công văn số 1965/UBND-KSTT ngày 21/10/2022 về triển khai thực hiện Thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị giao ban trực tuyến về thúc đẩy thực hiện Đề án 06; Công văn số 2001/UBND-KSTT ngày 26/10/2022 về triển khai sử dụng tài khoản định danh điện tử theo Nghị định số 59/2022/NĐ-CP và Đề án 06; Công văn số 2105/UBND-KSTT ngày 09/11/2022 về việc đẩy mạnh triển khai Đề án 06 trong lĩnh vực Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế; Công văn số 2237/UBND-KSTT ngày 24/11/2022 về đôn đốc, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh; Công văn số 2434/UBND-KSTT ngày 21/12/2022 về hoàn thiện quy trình điện tử Dịch vụ công Cấp phiếu lý lịch tư pháp theo Đề án 06,...

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Tham mưu UBND tỉnh Đề án nâng cấp nền tảng công nghệ, kỹ thuật của Cổng dịch công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh. Trong đó, có các hạng mục chức năng, tính năng theo hướng dẫn tại Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Phối hợp với Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, VNPT Quảng Bình và các Cục nghiệp vụ của Bộ Công an (Cục C06, A05, A06) hoàn thành việc kết nối chính thức Cổng dịch công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan, hoàn thành việc xây dựng phân hệ chức năng Kho quản lý dữ liệu điện tử và các chức năng số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh. Đã triển khai 12 lớp tập huấn kỹ năng khai thác với 764 cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã tham gia.

5. Sở Tư pháp

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hoàn thành việc kết nối, liên thông dữ liệu giữa Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử và Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung của Bộ Tư pháp với Cổng dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

Chỉ đạo cơ quan Tư pháp các địa phương thực hiện nghiêm túc việc số hóa dữ liệu hộ tịch. Đến nay, đã số hóa và chuyển dữ liệu lên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử dùng chung là 204.961/1.153.197 (*đạt tỷ lệ 17%*), còn 948.236 dữ liệu hộ tịch giấy chưa được số hóa (*do chưa được cấp kinh phí để thực hiện*). Đã triển khai dịch vụ chứng thực bản sao điện tử tại 08/08 Phòng Tư pháp cấp huyện và 151/151 UBND cấp xã (*đạt tỷ lệ 100%*).

6. Sở Y tế

Chỉ đạo các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh phối hợp triển khai tiếp đón người bệnh đi khám, chữa bệnh BHYT bằng thẻ CCCD gắn chip theo hướng dẫn của Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Phối hợp với Công an tỉnh thực hiện công tác “làm sạch” và cập nhật dữ liệu tiêm chủng vào hệ thống Nền tảng quản lý tiêm chủng COVID-19 theo chỉ đạo của Bộ Y tế tại Công văn số 4549/BYT-CNTT ngày 23/8/2022 về thực hiện cập nhật, “làm sạch” dữ liệu tiêm chủng COVID-19.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Công an tỉnh trong việc Thông báo số định danh cá nhân và làm CCCD gắn chip cho học sinh sinh năm 2004, 2007 để phục vụ đăng ký thi trực tuyến.

Triển khai, thực hiện hiệu quả thủ tục “Đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng” bằng hình thức trực tuyến theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã tiếp nhận 11.154/11.154 hồ sơ đăng kí dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia bằng hình thức trực tuyến (*đạt tỷ lệ 100%*).

Triển khai thực hiện thu học phí và các khoản thu khác qua phương tiện điện tử (*không thanh toán bằng tiền mặt*) theo mục tiêu và lộ trình của Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường

Hoàn thành kết nối hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của hệ thống thông tin đất đai cấp tỉnh thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường với hệ thống tích hợp, kết nối cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia phục vụ tích hợp, kết nối chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hoàn thành kết nối, tích hợp lên Cổng dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh đối với dịch vụ công thiết yếu “Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ)”. Bắt đầu thực hiện chính thức từ ngày 24/10/2022.

9. Sở Giao thông vận tải

Xây dựng và cung cấp 36 dịch vụ công trực tuyến theo Kế hoạch số 1601/KH-UBND ngày 28/8/2021 của UBND tỉnh về xây dựng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của tỉnh giai đoạn 2021-2022.

Tập trung đẩy mạnh tuyên truyền để người dân thực hiện đăng ký hồ sơ đối với thủ tục “Cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe” qua Cổng dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của Đề án 06.

10. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Công văn số 1569/UBND-KSTT ngày 26/8/2022 về việc bố trí kinh phí triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Công an tỉnh và các sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện rà soát, cắt giảm các hạng mục, dự án đầu tư chưa thực sự cần thiết; tận dụng tối đa các hạng mục, trang thiết bị đã được đầu tư để phục vụ triển khai Đề án 06.

Tham mưu UBND tỉnh cấp kinh phí phục vụ triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh theo đề nghị của Công an tỉnh.

11. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Phối hợp với Công an tỉnh cung cấp số CCCD gắn chip/số định danh cá nhân của công dân để tích hợp và đồng bộ thông tin thẻ Bảo hiểm y tế của người tham gia Bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tạo thuận lợi cho người dân sử dụng CCCD gắn chip khi đi khám, chữa bệnh Bảo hiểm y tế.

Đôn đốc, hướng dẫn các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh tra cứu thông tin Bảo hiểm y tế bằng thẻ CCCD gắn chip trong khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế. Truyền thông rộng rãi đến người tham gia Bảo hiểm y tế thực hiện đi khám, chữa bệnh bằng thẻ CCCD gắn chip trên các phương tiện thông tin đại chúng; thông báo tại các địa điểm trong cơ sở khám chữa bệnh để người dân nắm, thực hiện.

12. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo Tổ công tác triển khai Đề án 06 cấp huyện và UBND các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06. Đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện; Quyết định thành lập, kiện toàn Tổ công tác, Tổ giúp việc của Đề án và các văn bản để chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn, đảm bảo tiến độ, yêu cầu đề ra.

II. KẾT QUẢ CÁC MẶT CÔNG TÁC VÀ TIỆN ÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Hoàn thiện thể chế

Tham gia ý kiến vào Dự thảo các văn bản để hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư theo yêu cầu của Chính phủ và các Bộ chuyên ngành³.

Tham mưu triển khai thực hiện các Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ chuyên ngành⁴ là căn cứ pháp lý để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06.

2. Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

2.1. Đối với 25 dịch vụ công thiết yếu của Đề án 06

Đã triển khai, thực hiện được 23/25 dịch vụ công thiết yếu theo yêu cầu của Đề án 06 (*còn lại 02 dịch vụ liên thông đang triển khai thí điểm tại thành phố Hà Nội và tỉnh Hà Nam*). Tiếp nhận được 151.446/230.745 hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến (*đạt tỷ lệ 67%*). Trong đó:

- Đối với 11 dịch vụ thuộc thẩm quyền của lực lượng Công an: Đã tiếp nhận 112.983/168.331 hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến (*đạt tỷ lệ 67%*). Một số

³ Dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ; Dự thảo Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân; Dự thảo Thông tư về việc kết nối, chia sẻ, trao đổi thông tin, dữ liệu số với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Bộ Công an; Dự thảo Công điện của Thủ tướng Chính phủ về chỉ đạo phối hợp thực hiện Luật Cư trú năm 2020 liên quan đến nộp, xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự.

⁴ Triển khai thực hiện Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 về định danh và xác thực điện tử, là căn cứ giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; Nghị định số 53/2022/NĐ-CP ngày 15/8/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng, tạo hành lang pháp lý, quy định cụ thể các nội dung liên quan đến lưu trữ dữ liệu điện tử tại Việt Nam; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 quy định việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước, tạo hành lang pháp lý cho việc cung cấp thông tin và các nội dung triển khai dịch vụ công của cơ quan nhà nước; Thông tư số 75/2022/TT-BTC, ngày 22/12/2022 quy định về mức thu, chế độ thu nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú; Thông tư số 46/2022/TT-BCA ngày 04/11/2022 Quy định về việc kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác, là căn cứ pháp lý để kết nối, chia sẻ, xây dựng hệ sinh thái, dữ liệu dùng chung; Thông tư số 48/2022/TT-BTC ngày 03/8/2022 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đem lại nguồn thu cho ngân sách nhà nước; Thông tư số 08/2022/TT-BCA, ngày 27/01/2022 của Bộ Công an quy định danh mục sản phẩm khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

dịch vụ công đạt tỷ lệ 100% như: Thông báo lưu trú 41.251/41.251; Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông 34.879/34.879; Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi đã được cấp thẻ Căn cước công dân 156/156,...

- Đối với 12 dịch vụ công của các sở, ngành, địa phương: đã tiếp nhận được 38.463/62.414 hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công (đạt tỷ lệ 61,6%). Một số dịch vụ công đạt tỷ lệ 100% như: Đăng kí dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng 11.154/11.154; Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp (220/380V) (Thí điểm cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dịch vụ cung cấp điện). 9.082/9.082; Thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện 7.475/7.475,...

(Có Phụ lục II kèm theo)

2.2. Kết quả tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh

Tính đến ngày 30/12/2022, toàn tỉnh đã tiếp nhận, giải quyết được 30.898/98.122 hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (đạt tỷ lệ 32%). Trong đó, cấp tỉnh 23.043/65.707 hồ sơ (đạt tỷ lệ 35%), cấp huyện 885/2.783 hồ sơ (đạt tỷ lệ 32%), cấp xã 6.970/29.632 hồ sơ (đạt tỷ lệ 24%).

(Có Phụ lục III kèm theo)

2.3. Kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Tính đến ngày 30/12/2022, toàn tỉnh đã thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết được: 6.802/46.272 hồ sơ (đạt tỷ lệ 15%).

(Có Phụ lục IV kèm theo)

3. Về nhóm tiện ích phát triển kinh tế, xã hội

Nền tảng CCCD gắn chip đã ứng dụng trên các lĩnh vực, tạo được một số kết quả nổi bật như:

Lĩnh vực Y tế, tổng số cơ sở khám, chữa bệnh tiếp nhận khám, chữa bệnh Bảo hiểm y tế bằng thẻ CCCD gắn chip là 175/175 cơ sở (đạt tỷ lệ 100%). Số lượng CCCD được đồng bộ với thẻ Bảo hiểm y tế còn hiệu lực để đi khám, chữa bệnh bằng CCCD 691.449/727.100 thẻ Bảo hiểm y tế (đạt tỷ lệ 95,1%).

Lĩnh vực Bảo hiểm, triển khai công nghệ xác thực sinh trắc học trên thẻ CCCD gắn chip điện tử góp phần hạn chế và ngăn chặn trục lợi khi đóng, hưởng các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp tại Bệnh viện Đa khoa Đồng Hới, Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình.

Lĩnh vực Giáo dục: Triển khai thực hiện việc thu học phí, lệ phí tuyển sinh và các khoản thu khác bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

4. Về phát triển công dân số

4.1. Thu nhận hồ sơ cấp tài khoản định danh điện tử

Ngày 18/7/2022, Bộ Công an đã công bố hệ thống Định danh và xác thực điện tử đi vào hoạt động chính thức, đây là một bước tiến mới, đưa Việt Nam chính thức là một trong những nước có định danh điện tử quốc gia. Tính đến ngày 30/12/2022,

toàn tỉnh đã thu nhận được 180.728 hồ sơ đăng ký tài khoản định danh điện tử (mức 2), đã kích hoạt được 39.936 tài định danh điện tử (cả mức 1 và mức 2), xếp thứ 13 trong toàn quốc. **Giá trị mang lại:** Khắc phục tình trạng Sim không chính chủ, không phải khai lại thông tin khi thực hiện dịch vụ công.

4.2. Thu nhận hồ sơ cấp CCCD gắn chip

Tính đến ngày 30/12/2022, toàn tỉnh đã thu nhận, cấp được 747.995/787.363 thẻ CCCD gắn chip (*đạt tỷ lệ 95,3%*), xếp thứ 25 trong toàn quốc. **Giá trị mang lại:** người dân không phải mang nhiều loại giấy tờ. Đọc thông tin chip, Qrcode trên CCCD, xác thực thông tin để phục vụ vấn đề Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú hết giá trị sử dụng sau ngày 31/12/2022.

5. Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư

5.1. Kết quả kết nối hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cổng dịch công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh, Cơ sở dữ liệu quốc gia khác và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành

Đã kết nối chính thức Cổng dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện thủ tục hành chính theo nguyên tắc không yêu cầu công dân khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Hoàn thành kết nối hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của hệ thống thông tin đất đai cấp tỉnh thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường với hệ thống tích hợp, kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai để tích hợp, kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

5.2. Kết quả làm sạch Cơ sở dữ liệu quốc gia khác, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành

5.2.1. Kết quả làm sạch dữ liệu Bảo hiểm xã hội

Tính đến ngày 30/12/2022, đã có 691.449/727.100 người tham gia BHYT được đồng bộ, xác thực đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (*đạt tỷ lệ 95,1%*). Còn 35.651 trường hợp chưa xác thực được với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do thiếu hoặc sai mã định danh cá nhân.

5.2.2. Kết quả làm sạch dữ liệu tiêm chủng vắc xin Covid-19

Đã nhập 1.874.879/2.018.204 mũi tiêm vắc xin phòng Covid-19 lên Hệ thống tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 (*đạt tỷ lệ 91,7%*), đã làm sạch 567.346/717.702 trường hợp (*đạt tỷ lệ 79,1%*), đã ký số hộ chiếu vắc xin cho 406.912/567.346 trường hợp (*đạt tỷ lệ 73,2%*)

5.2.3. Làm sạch dữ liệu Giáo dục

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Công an tỉnh triển khai thực hiện các giải pháp làm sạch dữ liệu cho học sinh dự thi lên lớp 10 và phục vụ đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT Quốc gia năm 2022. Hướng dẫn 11.154 học sinh đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT Quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng trên Cổng dịch vụ công quốc gia (*đạt tỷ lệ 100%*).

5.2.4. Kết quả làm sạch dữ liệu an sinh xã hội

- Hoàn thành cập nhật các đối tượng đã được hỗ trợ theo Nghị quyết 68 vào hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đến nay đã cập nhật vào hệ thống được 121.082 trường hợp.

- Rà soát, cập nhật 419 đối tượng người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp tại khu công nghiệp, khu chế xuất... được hỗ trợ tiền thuê nhà theo Quyết định 08/2022/QĐ-TTg ngày 18/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ vào hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ chính quyền các cấp chi trả.

- Cập nhật vào hệ thống được 26.595 trường hợp hộ nghèo, hộ cận nghèo, 7.232 trường hợp người cao tuổi; 5.176 trường hợp người có công với cách mạng.

6. Nhóm tiện ích phục vụ chỉ đạo, điều hành

Hiện nay, hệ thống Giám sát và Điều hành thông minh tỉnh (IOC) đang vận hành ổn định và phục vụ có hiệu quả công tác giám sát, theo dõi, chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong đó đã tập trung giám sát, điều hành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội; giám sát lĩnh vực hành chính công; lĩnh vực điều hành văn bản; giám sát lĩnh vực Giáo dục; lĩnh vực Y tế; lĩnh vực văn hóa, du lịch và lưu trú,...

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ, GIẢI PHÁP

1. Ưu điểm

- Cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương và người dân trên địa bàn đã cơ bản nhận thức được mục đích, ý nghĩa, vai trò và tiện ích của Đề án 06. Chính vì vậy các nhiệm vụ của Đề án 06 được quan tâm triển khai quyết liệt, mạnh mẽ và hiệu quả, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu, yêu cầu đề ra.

- Công an tỉnh đã phát huy tốt vai trò của cơ quan thường trực, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06. Vì vậy các nhiệm vụ, chỉ tiêu đặt ra trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh cơ bản hoàn thành tốt, như: Cổng dịch công/ Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh đã kết nối chính thức với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, xếp thứ 16 toàn quốc; Tỷ lệ kích hoạt tài khoản định danh điện tử xếp thứ 13 toàn quốc; Tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ CCCD gắn chip xếp thứ 25 toàn quốc; Các chỉ tiêu làm sạch dữ liệu cơ bản đã hoàn thành.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và giải pháp

2.1. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

2.1.1. Tồn tại, hạn chế

- Việc tuyên truyền lợi ích của Đề án 06 đã được các đơn vị, địa phương quan tâm tổ chức thực hiện, tuy nhiên nội dung, hình thức tuyên truyền chưa thực sự phong phú, đa dạng chưa lôi cuốn người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện.

- Dữ liệu dân cư chưa bảo đảm hoàn toàn “đúng, đủ, sạch, sống”, còn tình trạng dữ liệu công dân bị sai lệch; dữ liệu không được đồng nhất khi tiến hành đối

sánh thông tin với các cơ sở dữ liệu của các bộ, ban, ngành khi kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư như dữ liệu thuế, thông tin tiêm chủng, bảo hiểm xã hội...

- Việc triển khai thực hiện Dịch vụ công trực tuyến vẫn còn hạn chế, mang tính hình thức, chưa thực chất, tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến ở một số lĩnh vực chưa cao.

2.1.2. Khó khăn, vướng mắc

- Trình độ dân trí, khả năng, điều kiện tiếp cận công nghệ thông tin của người dân trên địa bàn còn hạn chế nên đa số người dân vẫn lựa chọn cách truyền thống là đến trực tiếp cơ quan nhà nước để thực hiện thủ tục hành chính...

- Việc kích hoạt tài khoản định danh điện tử còn gặp khó khăn, một số công dân không sử dụng số điện thoại thông minh dẫn đến không thể cài đặt ứng dụng VNeID; quá trình sử dụng VNeID còn nhiều bất cập, mã kích hoạt được gửi đến thiết bị cũ của công dân đã từng cài đặt ứng dụng nên không thể kích hoạt được tài khoản trên thiết bị mới. Các giấy tờ mà người dân đã đăng ký tích hợp tài khoản định danh điện tử đã hiển thị trên app VNeID vẫn chưa thể sử dụng thay thế hoàn toàn giấy tờ gốc gây khó khăn trong công tác tuyên truyền các tiện ích của ứng dụng VNeID.

- Việc số hóa hồ sơ hiện nay chưa có văn bản xác định được loại tài liệu bắt buộc phải số hoá. Một số loại tài liệu đóng quyển không scan được hoặc phải tháo rời; một số tài liệu khổ lớn (A3 đến A0 như bản vẽ, Giấy CNQSD đất...) thì không có thiết bị để số hoá. Một số hồ sơ sau khi số hoá có dung lượng lớn (như hồ sơ thẩm định dự án xây dựng...) nên khi đính kèm lên hệ thống Dịch vụ công mất nhiều thời gian, hay bị lỗi.

- Số lượng người dân tra cứu bằng thẻ CCCD gắn chip khi khám, chữa bệnh còn thấp so với thực tế. Quá trình triển khai việc xác thực thông tin công dân giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm đang được hoàn thiện nên nhiều trường hợp trong thẻ CCCD không có thông tin BHYT gây phiền hà cho người dân trong quá trình sử dụng.

- Trình độ công nghệ thông tin của một số cán bộ còn hạn chế nên quá trình thực hiện có lúc còn lúng túng. Hạ tầng Công nghệ thông tin tại một số xã còn hạn chế, chưa đồng bộ, đặc biệt là hệ thống mạng, máy tính... nên việc hỗ trợ công dân trong nộp hồ sơ trực tuyến còn gặp nhiều khó khăn.

3. Giải pháp

3.1. Nhóm giải pháp về tuyên truyền

- Cần phải cụ thể hóa nội dung, hình thức gắn trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương và từng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, công nhân viên về các hoạt động tuyên truyền. Trong đó, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về lợi ích Đề án 06, lợi ích của việc nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng VNeID.

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp Công an tỉnh, Sở Văn

hóa và Thể thao, Sở Du lịch và UBND cấp huyện xây dựng phương án lắp đặt màn hình LED, Pano, áp phích tấm lớn tại các biển quảng cáo ra vào tỉnh, huyện, xã trên địa bàn; dán các khẩu hiệu tuyên truyền tại các siêu thị, trung tâm thương mại, trường học; tuyên truyền trên phương thông tin đại chúng.

3.2. Nhóm giải pháp về dịch vụ công

- Cần phải xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, có kiến thức chuẩn về tin học, ngoại ngữ, có khả năng tiếp nhận các xu thế công nghệ mới. Kết hợp chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính.

- Giao chỉ tiêu thực hiện dịch vụ công trực tuyến cho các sở, ban, ngành, địa phương đã tích hợp trên Cổng dịch vụ công tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia, lấy đó làm căn cứ bình xét, đánh giá xếp loại hàng năm.

- Xây dựng, nhân rộng các mô hình dịch vụ công trực tuyến tại các địa bàn cơ sở, đặc biệt tại các hội trường, nhà văn hóa, khu chung cư tạo điều kiện tối đa cho người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến.

3.3. Nhóm giải pháp công dân số

- Cấp thẻ CCCD gắn chip và tài khoản định danh điện tử: (1) tiếp tục huy động cả hệ thống chính trị tham gia phối hợp cùng lực lượng Công an trong thực hiện cấp thẻ CCCD và tài khoản định danh điện tử. Lực lượng Công an tiếp tục hiện tốt công tác điều tra cơ bản số công dân trong độ tuổi chưa cấp CCCD, tiếp tục thực hiện phương án cấp lưu động tại các địa bàn thôn, xóm, tổ dân phố, nhà trường; (2) các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trên địa bàn không yêu người dân xuất trình các loại giấy tờ cá nhân đã có trong ứng dụng định danh điện tử quốc gia VNeID, qua đó kích lệ người dân trong đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử; (3) Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, công nhân viên phải gương mẫu trong sử dụng tài khoản định danh điện tử, các tiện ích thông qua thẻ CCCD gắn chip, ứng dụng định danh điện tử.

- Khám, chữa bệnh bằng thẻ CCCD gắn chip: (1) Sở Y tế tiếp tục chỉ đạo, tăng cường kiểm tra các cơ sở khám, chữa bệnh thực hiện nghiêm việc sử dụng thẻ CCCD gắn để khám chữa bệnh BHYT, dần thay thế cho thẻ bảo hiểm y tế để phục vụ khám chữa bệnh; (2) Tiến hành rà soát các thiết bị đầu đọc QR code tại các cơ sở, khám chữa bệnh, đối với các thiết bị cấu hình thấp thì chỉ đạo cơ sở y tế, đầu tư mua sắm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi đi khám, chữa bệnh.

3.4. Nhóm giải pháp hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư

- Đẩy nhanh việc thu thập, rà soát, cập nhật làm sạch cơ sở dữ liệu chuyên ngành (*dữ liệu Bảo hiểm xã hội, dữ liệu an sinh xã hội, dữ liệu trẻ em, dữ liệu đất đai, dữ liệu thuế, dữ liệu cán bộ công chức viên, chức, dữ liệu thuê bao di động, dữ liệu tài chính ngân hàng....*) để phục vụ kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Đối với các đơn vị, địa phương không có hạ tầng dữ liệu như: Dữ liệu của các hội, đoàn thể (*hội viên hội nông dân, hội viên hội người cao tuổi, đoàn thành*

niên...) cần phối hợp tích cực với lực lượng Công an để cập nhật lên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư hệ thống.

4. Bài học kinh nghiệm

Một là, quán triệt, nắm vững các quan điểm chỉ đạo, chủ trương, chính sách của Chính phủ về triển khai thực hiện Đề án 06, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương. Phân công trách nhiệm, giao chỉ tiêu cụ thể cho các đơn vị, địa phương; dự báo, đánh giá đúng tình hình, những khó khăn, thách thức và nguy cơ, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết với các mốc thời gian, đồng thời quyết tâm thực hiện đúng thời gian từng nội dung công việc, để tạo cơ sở cho các bước tiếp theo hoàn thành đúng tiến độ.

Hai là, phải có sự chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ từ tỉnh tới cơ sở, sự vào cuộc của các hệ thống chính trị, đặt biệt là vai trò của người đứng đầu các cấp, các ngành, các địa phương trong chỉ đạo, cụ thể hóa các nhiệm vụ tại địa phương; vai trò tham mưu của các đơn vị: Công an tỉnh, Văn phòng UBND, Sở Thông tin và Truyền thông trong theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án; thường xuyên quán triệt, thống nhất về nhận thức và hành động đối với đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, công nhân viên trong toàn tỉnh luôn gương mẫu tiên phong đi đầu, tích cực tham gia vào các nhiệm vụ và tuyên truyền vận động, hướng dẫn người thân, gia đình và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

Ba là, thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền với các hình thức phong phú, đa dạng, vận dụng sáng tạo, linh hoạt. Ứng dụng hiệu quả, hiệu ứng tuyên truyền của các trang mạng, ứng dụng mạng xã hội như Zalo, facebook, Fanpage; thành lập các nhóm trên Zalo, facebook để chia sẻ kinh nghiệm, loan tỏa nhanh các nội dung, định hướng đối tượng tuyên truyền...

Bốn là, kịp thời động viên, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, có cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong thực hiện Đề án 06 để các tập thể, cá nhân nỗ lực khắc phục những khó khăn, vất vả, quyết tâm hoàn thành tốt yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Phần thứ hai

Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2023

I. CÔNG TÁC THAM MƯU, CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Bám sát chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Tổ công tác triển khai Đề án 06 Chính phủ và các Bộ chuyên ngành để tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh trong năm 2023. Tham mưu ban hành cơ chế kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh.

Tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong triển khai thực hiện Đề án 06 sau khi Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết.

(Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương liên quan tham mưu thực hiện, hoàn thành trong tháng 01/2023).

2. Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Đề án 06 năm 2023, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, hiệu quả.

(Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Công an tỉnh và các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu thực hiện, hoàn thành trước tháng 3/2023)

3. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án 06 với quyết tâm chính trị cao, xuyên suốt từ tỉnh đến cơ sở. Phát huy vai trò của Thủ trưởng, người đứng đầu các sở, ban, ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện Đề án 06.

(Các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện thường xuyên)

II. TRIỂN KHAI CÁC NHÓM NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN 06

1. Về pháp Lý: Tham mưu UBND tỉnh rà soát các văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung để phục vụ triển khai thực hiện Đề án 06.

(Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan thực hiện, hoàn thành trước tháng 3/2023)

2. Về dịch vụ công

2.1. Tuyên truyền người dân sử dụng tài khoản VNeID để đăng nhập vào Cổng dịch vụ công quốc gia/tỉnh để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

(Sở Thông tin và truyền thông chỉ đạo các cơ quan truyền thông, nhà mạng tuyên truyền trên địa bàn, UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Văn hóa, thông tin thực hiện thường xuyên)

2.2. Yêu cầu 100% cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, công nhân viên chỉ thực hiện dịch vụ công trực tuyến và tuyên truyền người thân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, không nộp hồ sơ trực tiếp.

(Văn phòng UBND tỉnh tham mưu thực hiện, hoàn thành trong tháng 01/2023)

2.3. Tham mưu triển khai các mô hình dịch vụ công trực tuyến tại các địa bàn cơ sở đảm bảo chất lượng, hiệu quả để nhân rộng mô hình trên toàn tỉnh.

(Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh và UBND cấp huyện thực hiện, hoàn thành trong Quý I/2023)

2.4. Đề xuất cắt giảm bộ phận tiếp dân trực tiếp để đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến

(Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện thực hiện trong năm 2023)

2.5. Đề xuất mua sắm hệ thống máy móc, trang thiết bị (máy scan, máy tính...) để phục vụ số hóa dữ liệu tại bộ phận một cửa cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Tạo bộ dữ liệu dùng chung. Tập huấn quy trình số hóa dữ liệu cho cán bộ một cửa.

(Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Sở Tài chính thực hiện, hoàn thành trong Quý II/2023)

3. Nhóm tiện ích phát triển kinh tế - xã hội

3.1. Chỉ đạo các cơ sở y tế, bệnh viện sử dụng thẻ CCCD gắn chip tích hợp Bảo hiểm y tế trong khám, chữa bệnh. Trang bị đầu đọc thẻ theo quy chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông để phục vụ công dân khám, chữa bệnh bằng thẻ CCCD gắn chip hoặc ứng dụng VNeID đảm bảo thực hiện 100% trên địa bàn tỉnh.

(Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Bảo hiểm xã hội tỉnh, các cơ sở khám, chữa bệnh thực hiện)

3.2. Hướng dẫn các trường học thực hiện thu học phí và các khoản thu khác không dùng tiền mặt

(Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện, hoàn thành trong Quý I/2023)

3.3. Không yêu cầu người dân xác nhận Chứng minh nhân dân 9 số khi đã có thông tin trên mã Qrcode của thẻ CCCD gắn chip.

(Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, địa phương thực hiện, hoàn thành trong Quý I/2023)

3.4. Thực hiện chi trả không dùng tiền mặt đối với các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội...

(Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan thực hiện, hoàn thành trong Quý II/2023)

3.5. Chỉ đạo các cơ sở y tế khai báo lưu trú trên ứng dụng VNeID để phục vụ công tác phòng ngừa tội phạm, quản lý cư trú, làm giàu dữ liệu dân cư và từng bước số hóa dữ liệu bệnh nhân.

(Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh thực hiện thường xuyên)

4. Nhóm tiện ích phát triển công dân số

4.1. Đẩy mạnh công tác thu nhận hồ sơ cấp CCCD gắn chip và tài khoản định danh điện tử; hướng dẫn người dân đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử, đảm bảo 100% công dân trong độ tuổi trên địa bàn được cấp CCCD gắn chip và tài khoản định danh điện tử.

(Công an cấp tỉnh chỉ đạo Công an cấp huyện và Công an cấp xã thực hiện thường xuyên)

4.2. Chỉ đạo đánh giá sự cần thiết của các App ID để thống nhất sử dụng 01 App duy nhất là VneID là App quốc gia.

(Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh thực hiện, hoàn thành trong Quý I/2023)

5. Xây dựng hệ sinh thái, dữ liệu dùng chung

5.1. Nghiên cứu triển khai thực hiện Quy trình số 1050 ngày 09/11/2022 của Bộ Công an, Bộ Tư pháp về thực hiện đối chiếu, cập nhật, đồng bộ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện và mô hình số hóa, nhằm tạo thành bộ dữ liệu dùng chung phục vụ khai thác, sử dụng dữ liệu liên quan đến lĩnh vực tư pháp trong thời gian tới.

(Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và Tổ công tác triển khai Đề án 06 cấp huyện, cấp xã thực hiện, bắt đầu từ Quý I/2023)

5.2. Làm sạch dữ liệu của các ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, đất đai, nhà ở, dữ liệu của các hội, đoàn thể.

(Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Sở Tài Nguyên và Môi trường, các hội, đoàn thể phối hợp với Công an tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện, bắt đầu từ Quý I/2023)

6. Đảm bảo an ninh, an toàn máy móc, thiết bị và dữ liệu

Rà soát, điều động các đồng chí được đào tạo, có kinh nghiệm về Công nghệ thông tin, đặc biệt là An toàn thông tin thực hiện chuyên trách công tác đảm bảo an ninh, an toàn thông tin tại cơ quan, đơn vị

(Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh thực hiện, hoàn thành trong Quý I/2023)

7. Về công tác tuyên truyền

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng và kết quả của Đề án 06, nhất là vai trò, ý nghĩa của thẻ CCCD gắn chip, tài khoản định danh điện tử sau ngày 31/12/2022 khi Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú không còn giá trị sử dụng bằng nhiều hình thức, như: Xây dựng, đăng tải các tin, bài, phóng sự tuyên truyền; sử dụng pano, appich, video hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công tại bộ phận một cửa; Tạo mã Qrcode để người dân truy cập trung tâm hướng dẫn các nghiệp vụ về định danh điện tử và dịch vụ công.

(Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông phối hợp với Công an tỉnh, Sở Văn hóa và thể thao, các sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện, hoàn thành trong quý I/2023).

Tổ công tác triển khai Đề án 06 tỉnh kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đ/c Hồ An Phòng-PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Thành viên Tổ công tác Đề án 06 tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NCVX.

**THÀNH VIÊN THƯỜNG TRỰC
TỔ CÔNG TÁC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH
Đại tá Phan Đăng Tĩnh**

Phụ lục I:
TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN 06 NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số /BC-TCTTKĐA ngày /01/2023 của Tổ công tác triển khai Đề án 06 tỉnh)

STT	Nhiệm vụ được giao	Văn bản giao nhiệm vụ	Cơ quan thực hiện	Thời hạn hoàn thành	Kết quả thực hiện	Ghi chú
1	Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; thành lập Tổ công tác và ban hành Quy chế hoạt động của Tổ công tác.	Quyết định 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương liên quan	Tháng 2/2022	Hoàn thành	
2	Thực hiện số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) có liên quan đến thông tin, giấy tờ cá nhân trong tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa cấp bộ, cấp tỉnh từ ngày 01/6/2022, tại Bộ phận một cửa cấp huyện từ ngày 01/12/2022 và tại Bộ phận một cửa cấp xã từ ngày 01/6/2023. Riêng đối với 25 DVC thiết yếu theo Đề án 06, phải thực hiện số hóa trong việc giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa từ ngày 01/7/2022 để người dân không phải khai báo, cung cấp lại	Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2022 của Chính phủ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Thường xuyên	Đang triển khai, thực hiện	
3	Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an kiểm tra an ninh, an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh phục vụ kết nối, tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; kịp thời tháo gỡ, khó khăn vướng mắc về cung cấp định danh điện tử của công dân, cấp thẻ căn cước công dân để thực hiện	Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2022 của Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh	Tháng 4/2022	Đang triển khai, thực hiện	

	các TTHC trên môi trường điện tử					
4	Chủ động sử dụng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 đã được giao của đơn vị, địa phương để thực hiện Đề án 06 theo quy định và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; bố trí nguồn kinh phí, nguồn nhân lực, nhất là về công nghệ thông tin thực hiện Đề án; nghiên cứu, đẩy mạnh hợp tác công tư, khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin, đồng thời cũng nghiên cứu đề xuất cơ chế có bù đắp trở lại cho sự phát triển trên cơ sở quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.	Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2022 của Chính phủ	Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Thường xuyên	Đang triển khai, thực hiện	
5	Đẩy nhanh tiến độ, tổ chức triển khai quyết liệt Đề án 06 và chỉ đạo của Chính phủ, bảo đảm đáp ứng tiến độ được giao; trong đó khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ cấp bách năm 2022 của Đề án 06 theo chỉ đạo của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 tỉnh	Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 03/5/2022 của Chính phủ	Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Thường xuyên	Đang triển khai, thực hiện	
6	Tăng cường tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và sự đồng thuận, tích cực tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân trong quá trình triển khai Đề án 06; quán triệt và vận động đến từng Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang tại cơ sở và vận động người thân, gia đình hưởng ứng thực hiện; tuyên truyền để người dân tin tưởng, đăng ký và sử dụng các	Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 03/5/2022 của Chính phủ và Thông báo số 276/TB-VPCP ngày 05/9/2022 của VPCP	Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Thường xuyên	Đang triển khai, thực hiện	

	dịch vụ thông qua VNeID.					
7	Trên cơ sở hướng dẫn 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về các thành phần công nghệ thông tin thiết yếu cần thiết và tiêu chuẩn, định mức phục vụ triển khai Đề án 06, tổ chức rà soát, hoàn thiện các hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo đúng lộ trình Đề án.	Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 08/6/2022 của Chính phủ	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 7/2022	Chưa hoàn thành	
8	Khẩn trương hoàn thành rà soát, bổ sung các thành phần công nghệ thông tin thiết yếu cần thiết theo hướng dẫn tại Văn bản số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng Công dịch vụ công/ Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Hệ thống định danh và xác thực điện tử, phục vụ triển khai các dịch vụ công trực tuyến.	Thông báo số 342/TB-VPCP ngày 01/11/2022 của VPCP	Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính	Tháng 12/2022	Chưa hoàn thành	
9	Rà soát, điều chỉnh bãi bỏ các quy định yêu cầu xuất trình Sổ hộ khẩu để sử dụng căn cước, định danh điện tử, dữ liệu dân cư để thực hiện các giao dịch, TTHC cho công dân. Tập trung chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện đúng lộ trình khi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy không còn giá trị sử dụng từ ngày 01/01/2023, không gây khó khăn, phiền hà cho người dân.	Nghị quyết số 121/NQ-CP ngày 11/9/2022, Nghị quyết số 130/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ; Thông báo số 331/TB-VPCP ngày 19/10/2022 của VPCP	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 11/2022	Hoàn thành	

10	Ban hành văn bản về việc sử dụng các phương thức khai thác thông tin khác không yêu cầu người dân phải xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của Luật Cư trú và các văn bản hướng dẫn Luật Cư trú sau ngày 31/12/2022.	Công văn số 5672/C06-TTDLDC ngày 22/8/2022 của Bộ Công an	Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn	Tháng 9/2022	Đã hoàn thành	
11	Kết nối Cổng dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Công văn số 761/VPCP-KSTT ngày 29/01/2022 của VPCP	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh	Tháng 7/2022	Chưa hoàn thành	
12	Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ công trực tuyến, đặc biệt là 25 dịch vụ công thiết yếu đã được xác định trong Đề án 06; chủ động rà soát hoàn thiện các quy trình thực hiện các dịch vụ công trực tuyến tại cấp huyện và cấp xã để đảm bảo thuận lợi, tiện ích trong quá trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Thông báo số 62/TB-VPCP ngày 01/3/2022, Thông báo số 276/TB-VPCP ngày 05/9/2022 của VPCP	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã; - Các cơ quan: Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội, Cục thuế tỉnh; Điện lực Quảng Bình.	Theo tiến độ tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Đang triển khai, thực hiện	
13	Triển khai Thông tư số 08/2022/TT-BCA ngày 27/01/2022 của Bộ Công an quy định về danh mục sản phẩm khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Thông tư số 08/2022/TT-BCA ngày 27/01/2022 của Bộ Công an	Công an tỉnh	Tháng 02/2022	Đã hoàn thành	
14	Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc việc đầu tư, thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện an toàn thông tin,	Thông báo số 276/TB-VPCP ngày 05/9/2022 của VPCP	Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Công an tỉnh	Thường xuyên	Đang triển khai, thực hiện	

	an ninh mạng					
15	Tăng cường phối hợp, phát triển dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin tới cấp cơ sở bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; cho thuê dịch vụ để tối ưu nguồn kinh phí đầu tư, tránh chùng chéo, lãng phí; hỗ trợ người yếu thế, người không có khả năng tiếp cận với công nghệ thông tin...	Thông báo số 276/TB-VPCP ngày 05/9/2022 của VPCP	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên	Đang triển khai, thực hiện	
16	Căn cứ nhiệm vụ quyền hạn, nghiên cứu, phát động phong trào thi đua thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án 06 trong những tháng cuối năm, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ năm 2022	Thông báo số 276/TB-VPCP ngày 05/9/2022 của VPCP	Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Năm 2022	Đang triển khai, thực hiện	
17	Triển khai Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử	Nghị định 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Tháng 11/2022	Hoàn thành	
18	Tham mưu Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết triển khai Đề án 06 để tạo sự thống nhất trong công tác chỉ đạo trên địa bàn tỉnh	Thông báo số 331/TB-VPCP ngày 19/10/2022 của VPCP	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương liên quan	Tháng 12/2022	Đã hoàn thành dự thảo, đang trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
19	Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế về cấu trúc thông tin, dữ liệu và các yêu cầu kỹ thuật kết nối để triển khai kết nối CSDL về hồ sơ sức khỏe người lái xe lên hệ thống của Bộ Giao thông vận tải thực hiện dịch vụ công Cấp đổi, cấp lại giấy phép lái	Thông báo số 331/TB-VPCP ngày 19/10/2022 của VPCP	Sở Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh		Chưa thực hiện	Bộ Y tế chưa có hướng dẫn

	xe của Bộ Giao thông vận tải					
20	Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip tích hợp thông tin bảo hiểm y tế trong khám bệnh, chữa bệnh; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán viện phí, bảo đảm mục tiêu theo Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS ngày 15/3/2022 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số	Công văn 931/BYT-BH ngày 28/2/2022 của Bộ Y tế; Thông báo số 331/TB-VPCP ngày 19/10/2022 của VPCP	Sở Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh	Thường xuyên	Đang triển khai, thực hiện	
21	Triển khai thực hiện khai báo lưu trú trên VNeID để quản lý cư trú; yêu cầu 100% các cơ sở lưu trú trên địa bàn bao gồm khách sạn, lưu trú bệnh viện,... phải thực hiện khai báo lưu trú qua ứng dụng VneID theo hướng dẫn của Bộ Công an	Thông báo số 331/TB-VPCP ngày 19/10/2022 của VPCP	Công an tỉnh	Thường xuyên	Đang triển khai, thực hiện	
22	Hướng dẫn các trường học thu học phí và thực hiện các khoản thu - chi khác qua phương tiện điện tử bảo đảm đúng mục tiêu, lộ trình của Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS ngày 15/3/2022 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số	Thông báo số 331/TB-VPCP ngày 19/10/2022 của VPCP	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thường xuyên	Đang triển khai, thực hiện	
23	Chỉ đạo đối soát, làm sạch dữ liệu về tiêm chủng vắc xin ngừa Covid-19 phục vụ ký xác nhận “Hộ chiếu vắc xin”	Công văn 4322/BYT-CNTT ngày 12/8/2022 của Bộ Y tế	Sở Y tế và Công an tỉnh	Tháng 10/2022	Đã hoàn thành	
24	Chỉ đạo đối soát, làm sạch dữ liệu về trẻ em chưa xác thực được với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Công văn số 3513/BLĐTBXH-TTTT ngày 14/7/2022 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Lao động, Thương binh - Xã hội, Công an tỉnh		Đang triển khai, thực hiện	

25	Chỉ đạo đối soát cập nhật dữ liệu của các hội, đoàn thể, trong đó trước mắt rà soát cập nhật hội viên Hội nông dân, hội viên Hội người cao tuổi trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Thông báo số 331/TB-VPCP ngày 19/10/2022 của VPCP; Công văn số 60/UBND-TCT06 ngày 26/8/2022; Công văn số 2250/TCTĐA06 ngày 02/10/2022 của Tổ công tác Đề án 06 tỉnh	Hội nông dân, Hội người cao tuổi và Công an tỉnh	Thường xuyên	Đang triển khai, thực hiện	
26	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, kết quả thực hiện Đề án 06, nhất là các tiện ích người dân, doanh nghiệp được hưởng dưới nhiều hình thức (pano, áp phích (poster), video hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công tại bộ phận một cửa, trên màn hình led...). Tạo mã Qrcode để người dân truy cập trung tâm hướng dẫn các nghiệp vụ về định danh, dịch vụ công	Thông báo số 331/TB-VPCP ngày 19/10/2022 của VPCP	Sở Thông tin và Truyền thông, Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn phối hợp với Công an các cấp	Thường xuyên	Đang triển khai, thực hiện	
27	Thường xuyên rà soát, đôn đốc, kiểm tra tiến độ triển khai các nhiệm vụ; ưu tiên, tập trung nguồn lực thực hiện hiệu quả, chất lượng các nhiệm vụ triển khai Đề án 06 được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Công văn số 7418/VPCP-KSTT ngày 03/11/2022 của VPCP	Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn	Thường xuyên	Đang triển khai, thực hiện	
28	Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, xử lý công tác quản lý thuê bao di động, giải quyết tình trạng sử dụng SIM rác theo Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ để phục vụ xác thực điện tử; chỉ đạo các	Thông báo 276/TB-VPCP ngày 05/9/2022; Thông báo số 342/TB-VPCP ngày 01/11/2022 của VPCP	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	Đang triển khai	

	đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông di động trên địa bàn tỉnh thực hiện đối soát, làm sạch thông tin thuê bao thông qua kết nối, xác thực thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư					
--	---	--	--	--	--	--

Phụ lục II:
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI 25 DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN THIẾT YẾU
(Kèm theo Báo cáo số /TCTTKĐA ngày /01/2023 của Tổ công tác Đề án 06 tỉnh)

TT	Dịch vụ công trực tuyến	Kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia (đã kết nối, chưa kết nối)	Tổng số hồ sơ (bao gồm cả trực tiếp và trực tuyến)			Tình hình xử lý hồ sơ trực tuyến		Khó khăn, vướng mắc
			Tổng hồ sơ	Trực tuyến	Tỷ lệ (%)	Đúng hạn	Quá hạn	
1	Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi đã được cấp thẻ Căn cước công dân	Đã kết nối	156	156	100	156	0	
2	Cấp lại, đổi thẻ căn cước công dân	Đã kết nối	158.857	123	0,08	123	0	Thời gian đăng ký trên Cổng dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục này tối thiểu trước 01 ngày sau đó công dân mới đến làm CCCD được nên khó khăn trong việc tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện, trong khi hiện nay lực lượng Công an đang tuyên truyền, vận động người dân đi làm CCCD để hoàn thành chỉ tiêu

								Bộ Công an giao
3	Đăng ký thường trú	Đã kết nối	80.424	28.074	35	28.074	0	
4	Đăng ký tạm trú	Đã kết nối	6.275	5.090	81,1	5.090	0	
5	Khai báo tạm vắng	Đã kết nối	610	152	24,9	152	0	
6	Thông báo lưu trú	Đã kết nối	41.251	41.251	100	41.251	0	
7	Đăng ký, cấp biển số mô tô, xe gắn máy	Đã kết nối	3.492	2.648	75,8	2.648	0	
8	Thu tiền nộp phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ qua thiết bị ghi hình (phạt nguội)	Đã kết nối	1.159	648	56	648	0	
9	Đăng ký khai sinh	Đã kết nối	4.552	2,467	54,2	2.467	0	
10	Đăng ký khai tử	Đã kết nối	1.767	984	55,7	984	0	
11	Đăng ký kết hôn	Đã kết nối	1.964	1.048	53,4	1.048	0	
12	Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông	Đã kết nối	34.879	34.879	100	34.879	0	
13	Thủ tục làm con dấu mới và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu	Đã kết nối	31	31	100	31	0	
14	Thủ tục làm con dấu thu nhỏ, dấu nổi, dấu xi và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu	Đã kết nối	54	54	100	54	0	
15	Liên thông đăng ký khai sinh đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi	Chưa kết nối	0	0	0	0	0	

16	Liên thông đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí	Chưa kết nối	0	0	0	0	0	
17	Tích hợp tính giảm trừ mức đóng trong gia hạn thẻ bảo hiểm y tế theo hộ gia đình	Đã kết nối	6.184	0	0	0		Mặc dù đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhưng người dân vẫn chưa thực hiện thủ tục trên Cổng dịch vụ công trực tuyến mà thực hiện tại các đại lý BHYT Hộ gia đình
18	Đăng ký thuế lần đầu, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân	Đã kết nối	4.318	4.165	96,5	4.165	0	
19	Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, 0giấy tờ nhân thân, địa chỉ).	Đã kết nối	2.052	906	44,2	906	0	
20	Cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe	Đã kết nối	4.870	26	0,53	26	0	
21	Đăng kí dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng	Đã kết nối	11.154	11.154	100	11.154	0	
22	Cấp phiếu lý lịch tư pháp	Đã kết nối	6.651	553	8,3	553	0	
23	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	Đã kết nối	2.345	603	25,7	603	0	

24	Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp (220/380V)	Đã kết nối	9.082	9.082	100	9.082	0	
25	Thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện	Đã kết nối	7.475	7.475	100	7.475	0	

Phụ lục III:
SỐ LƯỢNG HỒ SƠ TRỰC TUYẾN PHÁT SINH TRÊN CÔNG DVC TỈNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-TCTTKĐA ngày /01/2023
của Tổ công tác triển khai Đề án 06 tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng hồ sơ trực tuyến đã tiếp nhận	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận dưới cả hình thức trực tuyến và trực tiếp	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên Công dịch vụ công tỉnh	Ghi chú
I	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh				
1	Sở Nội vụ	110	160	68,75%	
2	Sở Tư pháp	280	4.064	6,89%	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	343	0,29%	
4	Sở Tài Chính	32	40	80%	
5	Sở Công thương	17.594	17.625	99,82%	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2	2	100%	
7	Sở Giao thông vận tải	62	145	42,76%	
8	Sở Xây dựng	74	155	47,74%	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	580	1.190	48,7%	
10	Sở Thông tin và Truyền thông	61	65	93,85%	
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	82	249	32,93%	
12	Sở Văn hóa, Thể thao	336	372	90,32%	
13	Sở Khoa học và Công nghệ	74	74	100%	
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	410	437	93,82%	
15	Sở Y tế	2	743	0,27%	
16	Sở Ngoại vụ	28	34	82,35%	
17	Thanh tra tỉnh	0	0	0	
18	Ban Dân tộc	1	1	100%	
19	Ban Quản lý Khu kinh tế	18	28	64,29%	
20	Sở Du lịch	6	46	13,04%	
II	Cấp huyện, cấp xã				
1	Thành phố Đồng Hới				
	Cấp huyện	21	581	3,61%	
	Cấp xã	1.175	2.897	40,56%	
2	Thị xã Ba Đồn				
	Cấp huyện	128	185	69,19%	
	Cấp xã	1.455	5.072	28,69%	
3	Huyện Lệ Thủy				
	Cấp huyện	157	636	24,69%	
	Cấp xã	237	4.008	5,91%	
4	Huyện Quảng Ninh				
	Cấp huyện	35	156	22,44%	

	Cấp xã	904	3.548	25,48%	
5	Huyện Bồ Trách				
	Cấp huyện	75	504	14,88%	
	Cấp xã	573	4.564	12,55%	
6	Huyện Quảng Trạch				
	Cấp huyện	69	268	25,75%	
	Cấp xã	731	3.976	18,39%	
7	Huyện Tuyên Hóa				
	Cấp huyện	384	405	94,81%	
	Cấp xã	1.470	3.443	42,70%	
8	Huyện Minh Hóa				
	Cấp huyện	16	48	33,33%	
	Cấp xã	425	2.124	20,01%	

Phụ lục IV
DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRIỂN KHAI SỐ HÓA HỒ SƠ,
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TCTTKĐA ngày /01/2023
của Tổ công tác triển khai Đề án 06 tỉnh)

STT	Tên Cơ quan	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận, giải quyết	Tổng số hồ sơ TTHC đã số hóa kết quả giải quyết	Tỷ lệ %
I	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh			
1	Sở Nội vụ	22	83	26,51%
2	Sở Ngoại vụ	7	24	29,17%
3	Sở Công thương	148	6.373	2,32%
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	52	179	29,05%
5	Sở Giao thông Vận tải	112	167	67,07%
6	Sở Khoa học và Công nghệ	18	28	64,29 %
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	132	349	37,82%
8	Sở Thông tin và Truyền thông	19	53	35,85%
9	Sở Văn hóa, Thể thao	100	210	47,62%
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	294	389	75,58%
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	24	7.819	0,31%
12	Sở Tư pháp	3.278	6.295	52,07%
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10	326	3,07%
14	Sở Du lịch	6	8	75,0%
15	Sở Xây dựng	21	496	4,23%
16	Sở Y tế	2	558	0,36%
17	Ban Quản lý Khu Kinh tế	11	46	23,91%
II	UBND cấp huyện			
1	UBND thành phố Đồng Hới	6	1.730	0,35%
2	UBND thị xã Ba Đồn	8	584	1,37%
3	UBND huyện Lệ Thủy	121	807	14,99%
4	UBND huyện Quảng Ninh	145	578	25,09%
5	UBND huyện Bố Trạch	3	995	0,3%
6	UBND huyện Quảng Trạch	1	429	0,23%
7	UBND huyện Tuyên Hóa	56	367	15,26%
8	UBND huyện Minh Hóa	17	163	10,43%

III	UBND cấp xã			
	UBND các xã, phường thuộc thành phố Đồng Hới			
1	Phường Bắc Lý	13	354	3,67%
2	Phường Bắc Nghĩa	61	261	23,37%
3	Phường Đồng Hải	52	175	29,71%
4	Phường Đồng Phú	100	215	46,51%
5	Phường Đồng Sơn	73	252	28,97%
6	Phường Đức Ninh Đông	55	160	34,38%
7	Phường Hải Thành	34	136	25,0%
8	Phường Nam Lý	47	564	8,33%
9	Phường Phú Hải	36	210	17,14%
10	Xã Đức Ninh	2	295	0,68%
11	Xã Bảo Ninh	57	269	21,19%
12	Xã Lộc Ninh	28	240	11,67%
13	Xã Nghĩa Ninh	30	154	19,48%
14	Xã Quang Phú	41	150	27,33%
15	Xã Thuận Đức	3	112	2,68%
	UBND các xã, phường thuộc thị xã Ba Đồn			
1	Phường Ba Đồn	2	264	0,76%
2	Phường Quảng Thọ	1	438	0,23%
3	Phường Quảng Phúc	0	0	0%
4	Phường Quảng Thuận	0	0	0%
5	Phường Quảng Long	2	179	1,12%
6	Phường Quảng Phong	1	102	0,98%
7	Xã Quảng Hải	23	99	23,23%
8	Xã Quảng Tân	0	0	0%
9	Xã Quảng Trung	0	0	0%
10	Xã Quảng Tiên	2	174	1,15%
11	Xã Quảng Minh	2	253	0,79%
12	Xã Quảng Sơn	2	214	0,93%
13	Xã Quảng Thủy	0	0	0%
14	Xã Quảng Hoà	0	0	0%
15	Xã Quảng Lộc	0	0	0%
16	Xã Quảng Văn	16	166	9,64%
	UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Lệ Thủy			
1	Thị trấn Kiến Giang	30	136	22,06%
2	Thị trấn Nông trường Lệ Ninh	52	134	38,81%
3	Xã An Thủy	58	329	17,63%
4	Xã Cam Thủy	46	135	34,07%

5	Xã Dương Thủy	52	147	35,37%
6	Xã Hoa Thủy	0	0	0%
7	Xã Hồng Thủy	36	154	23,38%
8	Xã Hưng Thủy	51	218	23,39%
9	Xã Kim Thủy	4	23	17,39%
10	Xã Lâm Thủy	2	23	8,7%
11	Xã Liên Thủy	72	346	20,81%
12	Xã Lộc Thủy	30	79	37,97%
13	Xã Mai Thủy	113	268	42,16%
14	Xã Mỹ Thủy	24	264	9,09%
15	Xã Ngân Thủy	32	54	59,26%
16	Xã Ngư Thủy Bắc	36	123	29,27%
17	Xã Ngư Thủy	30	181	16,57%
18	Xã Phong Thủy	32	170	18,82%
19	Xã Phú Thủy	106	298	35,57%
20	Xã Sen Thủy	53	145	36,55%
21	Xã Sơn Thủy	55	189	29,1%
22	Xã Tân Thủy	90	192	46,88%
23	Xã Thanh Thủy	146	342	42,69%
24	Xã Thái Thủy	0	0	0%
25	Xã Trường Thủy	12	155	7,74%
26	Xã Xuân Thủy	76	542	14,02%
UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Quảng Ninh				
1	Thị trấn Quán Hàu	21	131	16,03%
2	Xã An Ninh	25	201	12,44%
3	Xã Vạn Ninh	31	174	17,82%
4	Xã Xuân Ninh	19	124	15,32%
5	Xã Hiền Ninh	1	68	1,47%
6	Xã Tân Ninh	6	213	2,82%
7	Xã Gia Ninh	10	201	4,98%
8	Xã Võ Ninh	13	309	4,21%
9	Xã Duy Ninh	97	167	58,08%
10	Xã Hải Ninh	66	316	20,89%
11	Xã Hàm Ninh	54	131	41,22%
12	Xã Lương Ninh	53	181	29,28%
13	Xã Vĩnh Ninh	12	125	9,6%
14	Xã Trường Sơn	34	163	20,86%
15	Xã Trường Xuân	13	81	16,05%
UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Bố Trạch				

1	Thị trấn Hoàn Lão	10	634	1,58%
2	Thị trấn Nông trường Việt Trung	0	0	0%
3	Thị trấn Phong Nha	2	221	0,9%
4	Xã Bắc Trạch	3	171	1,75%
5	Xã Thanh Trạch	0	0	0%
6	Xã Mỹ Trạch	0	0	0%
7	Xã Hạ Trạch	1	124	0,81%
8	Xã Hưng Trạch	3	418	0,72%
9	Xã Liên Trạch	0	0	0%
10	Xã Cự Năm	0	0	0%
11	Xã Phúc Trạch	1	346	0,29%
12	Xã Lâm Trạch	0	0	0%
13	Xã Xuân Trạch	0	0	0%
14	Xã Tây Trạch	0	0	0%
15	Xã Hoà Trạch	0	0	0%
16	Xã Vạn Trạch	0	0	0%
17	Xã Đại Trạch	5	154	3,25%
18	Xã Nam Trạch	0	0	0%
19	Xã Nhân Trạch	1	247	0,4%
20	Xã Lý Trạch	0	0	0%
21	Xã Hải Phú	3	396	0,76%
22	Xã Đức Trạch	5	217	2,3%
23	Xã Đồng Trạch	0	0	0%
24	Xã Phú Định	1	105	0,95%
25	Xã Sơn Lộc	0	0	0%
26	Xã Trung Trạch	5	63	7,94%
27	Xã Tân Trạch	0	0	0%
28	Xã Thượng Trạch	0	0	0%
UBND các xã thuộc huyện Quảng Trạch				
1	Xã Quảng Hợp	0	0	0%
2	Xã Quảng Đông	0	0	0%
3	Xã Quảng Kim	0	0	0%
4	Xã Quảng Phú	0	0	0%
5	Xã Quảng Châu	1	254	0,39%
6	Xã Quảng Tùng	13	475	2,74%
7	Xã Cảnh Dương	0	0	0%
8	Xã Quảng Hưng	5	406	1,23%
9	Xã Quảng Xuân	0	0	0%

10	Xã Quảng Thanh	12	152	7,89 %
11	Xã Quảng Phương	0	0	0%
12	Xã Quảng Lưu	0	0	0%
13	Xã Quảng Tiến	0	0	0%
14	Xã Quảng Thạch	0	0	0%
15	Xã Liên Trường	0	0	0%
16	Xã Phù Hoá	0	0	0%
17	Xã Cảnh Hoá	0	0	0%
UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Tuyên Hóa				
1	Thị trấn Đồng Lê	35	341	10,26%
2	Xã Văn Hoá	48	162	29,63%
3	Xã Tiến Hóa	1	423	0,24%
5	Xã Châu Hóa	8	192	4,17%
6	Xã Cao Quảng	2	131	1,53%
7	Xã Ngr Hóa	0	0	0%
8	Xã Mai Hóa	59	235	25,11%
9	Xã Phong Hóa	100	173	57,8%
10	Xã Đức Hóa	31	193	16,06%
11	Xã Thạch Hóa	28	220	12,73%
12	Xã Sơn Hóa	7	94	7,45%
13	Xã Đồng Hóa	62	93	66,67%
14	Xã Thuận Hóa	45	81	55,56%
15	Xã Lê Hóa	33	61	54,1%
16	Xã Kim Hóa	48	168	28,57%
17	Xã Hương Hoá	0	0	0%
18	Xã Thanh Thạch	36	96	37,5%
19	Xã Thanh Hoá	11	167	6,59%
UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Minh Hóa				
1	Thị trấn Quy Đạt	3	265	1,13%
2	Xã Hồng Hóa	0	0	0%
3	Xã Yên Hóa	0	0	0%
4	Xã Xuân Hóa	0	0	0%
5	Xã Minh Hóa	0	0	0%
6	Xã Tân Hóa	0	0	0%
7	Xã Trung Hóa	0	0	0%
8	Xã Thượng Hóa	0	0	0%
9	Xã Hoá Sơn	0	0	0%
10	Xã Hoá Hợp	0	0	0%
11	Xã Hoá Tiến	0	0	0%

12	Xã Hoá Thanh	0	0	0%
13	Xã Hoá Phúc	6	16	37,5%
14	Xã Dân Hoá	0	0	0%
15	Xã Trọng Hoá	1	125	0,8%